

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phú Chánh Thê

Ông Phạm Quốc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Đỗ Thúy L, sinh ngày 20/11/1980; tại tỉnh V.

Tên gọi khác: không.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số G, khu phố O, phường P, thành phố R, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn D, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; chồng: Đoàn Văn L (đã ly hôn), có 02 người con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 09/02/2022 cho đến nay (có mặt)

- Bị hại: Bà Phan Thị K, sinh năm 1950. Nơi cư trú: ấp K, xã X, huyện G, tỉnh B. (có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 21/6/2022)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1962. Nơi cư trú: khu phố J, phường E, thành phố R, tỉnh B. (có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 01/7/2022)

- Người làm chứng:

Chị Bùi Nguyễn Anh T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: ấp K, xã X, huyện G, tỉnh B. (có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 21/6/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 30/10/2021, Đỗ Thúy L điều khiển xe mô tô biển số 71B1-622.97 lưu thông trên đường tỉnh 885 theo hướng từ huyện Giồng Trôm đi thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Khi đến khu vực thuộc ấp K, xã X, huyện G, tỉnh B, L thấy bà Phan Thị K, đang ngồi bán chuối nướng tại sạp nằm ở lề đường bên trái Đường tỉnh 885 theo hướng lưu thông của L, L điều khiển xe mô tô từ phần đường bên phải sang phần đường bên trái, dừng xe trước sạp bán chuối nướng của bà K, L đi vào ngồi xuống ghế nhựa do bà K để sẵn ở gần sạp và nói: “bà bán cho con 10 trái chuối nướng” (giá 5000 đồng/01 trái), bà K đồng ý. L đưa cho bà K 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng để trả tiền mua chuối nướng, do không đủ tiền thối lại cho L nên bà K cầm 500.000 đồng của L đưa và đến Quầy thuốc tây của chị Bùi Nguyễn Anh T, ở bên lề phải hướng đi của L cặp Đường tỉnh 885 (đối diện nơi bà K bán chuối nướng) đổi tiền để thối lại cho L. Đổi tiền xong, bà K đưa cho L 450.000 đồng và cất 50.000 đồng vào bóp đựng tiền của bà K để ở trong giỏ xách nhựa màu đỏ nằm trên sạp chuối nướng. Lúc này L nảy sinh ý định chiếm đoạt bóp tiền của bà K, L nhìn thấy bình nước của bà K treo trên lưới hàng rào B40 gần vị trí để bóp tiền của bà K nên L xin bà K cho L uống nước nhằm mục đích tiếp cận bóp tiền của bà K, bà K đồng ý cho L uống nước. Uống nước xong, L nói với bà K: “ngoại nướng cho con thêm 05 trái chuối nữa”, bà K đồng ý, trong lúc bà K đang nướng chuối L nhanh chóng dùng tay đưa vào giỏ xách lấy bóp tiền của bà K rồi nhanh chóng đem bóp tiền để vào rổ xe mô tô rồi điều khiển xe tẩu thoát về hướng thành phố R. Thấy L lấy bóp tiền của mình, bà K tri hô. Do tuổi già, sức yếu, thường xuyên ốm đau nên giọng nói bà K tri hô nhỏ, không ai nghe thấy, bà K cũng không đuổi kịp để giữ L lại. Sau khi L tẩu thoát, bà K đi đến Quầy thuốc tây của chị T nói cho chị T biết việc mình vừa bị một người phụ nữ giật lấy bóp tiền. Chị T hướng dẫn bà K đến Công an xã X, huyện G, tỉnh B trình báo vụ việc.

Sau khi chiếm đoạt bóp tiền của bà K, L mang bóp tiền về phòng trọ nơi L thuê ở phường P, thành phố R, tỉnh B kiểm tra bên trong bóp có số tiền là 1.000.000 đồng, gồm nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau. L lấy 1.000.000 đồng vừa chiếm đoạt được của bà K đóng tiền thuê nhà trọ cho bà Nguyễn Thị Cẩm L.

Vật chứng thu giữ của Đỗ Thúy L:

- 01 xe mô tô Biển số 71B1-622.97, nhãn hiệu “HALIM”, màu đỏ nâu, có rổ màu đen phía trước, xe không có gương chiếu hậu.

- 01 cái áo tay ngắn bằng vải, màu đỏ cam;
- 01 quần dài bằng vải, màu đỏ cam;
- 01 áo khoác Jean tay dài, màu xanh;
- 01 nón bảo hiểm màu trắng;
- 01 khẩu trang y tế màu xanh;

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh có gắn sim số 0914691934.

Quá trình điều tra, L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đã bồi thường cho bị hại nhận đủ 1.000.000 đồng. Đối với cái bóp đựng tiền không có giá trị bà K không yêu cầu L bồi thường.

Tại cáo trạng số 24/CT-VKSGT, ngày 03/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Đỗ Thúy L về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và khẳng định Cáo trạng là đúng đắn:

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Thúy L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Thúy L từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: không.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận quá trình điều tra bị cáo L đã bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bị cáo L bồi thường gì khác.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Đối với xe mô tô biển số 71B1-622.97 trả cho chủ sở hữu là bà Đỗ Thị Kim N.

+ Đối với 01 cái áo tay ngắn bằng vải, màu đỏ cam; 01 quần dài bằng vải, màu đỏ cam; 01 áo khoát Jean tay dài, màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 khẩu trang y tế màu xanh là bị cáo L mặc khi thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo L khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Chính bị cáo thừa nhận do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn cần tiền tiêu xài, sinh hoạt trong gia đình nên liều lĩnh thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Lời nói sau cùng của bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận và mong Tòa giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và có lời khai không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Kim N có đơn vắng mặt nhưng có lời khai cho rằng xe mô tô biển số 71B1-622.97 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà N, bà N cho bị cáo mượn sử dụng để làm phương tiện đi lại, việc bị cáo

sử dụng xe mô tô nêu trên làm phương tiện phạm tội bà N không biết, do vậy bà có yêu cầu nhận lại xe mô tô biển số 71B1-622.97.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tuy nhiên trong quá trình điều tra những người này đã có lời khai rõ ràng nên sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xuất phát từ việc không có tiền tiêu xài, sinh hoạt trong gia đình. Vào ngày 30/10/2021, lúc khoảng 11 giờ 40 phút, bị cáo Đỗ Thúy L điều khiển xe mô tô biển số 71B1-622.97, mặc đồ lịch sự đến nơi bán chuối nường của bà Phan Thị K ở bên đường tỉnh 885 thuộc ấp K, xã X, huyện G, tỉnh B, vấp vờ mua chuối nường, quan sát, tiếp cận và nhanh chóng công khai chiếm đoạt bóp tiền của bà K, bên trong bóp có chứa đựng số tiền 1.000.000 đồng rồi nhanh chóng tẩu thoát về hướng thành phố R. Bị cáo L nhận biết bà K là người già yếu nên không thể ngăn cản bị cáo được. Bà K cũng cho rằng đã thấy bị cáo L lấy bóp tiền của bà nhưng tri hô không ai nghe và đuổi theo không kịp.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Đỗ Thúy L phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự .

Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ nguyên quan điểm truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo. Chính bị cáo thừa nhận hành vi cướp giật tài sản và tội lỗi đã gây ra.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Đặc biệt trường hợp phạm tội của bị cáo đối với người già yếu nên tội phạm bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nên có nhân thân tốt.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: Người bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo là phụ nữ, không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn; thực tế bị cáo chiếm đoạt có 1.000.000 đồng; ngoài ra, bị cáo có người bác ruột là liệt sĩ.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết định tội, định khung hình phạt bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Qua cân nhắc về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù trong một thời hạn nhất định. Nhằm trừng trị và giáo dục bị cáo tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ Luật Hình sự chuyển sang khung hình phạt liền kề nhẹ hơn để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại bà Phan Thị K đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt là 1.000.000 đồng do bị cáo Liễu bồi thường. Bà K không yêu cầu bị cáo L bồi thường gì khác.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Ngày 01/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh có gắn sim số 0914691934 cho bị cáo L do tài sản không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội. Việc trả tài sản nêu trên của Cơ quan Cảnh sát điều tra là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

+ Đối với xe mô tô biển số 71B1-622.97 thuộc sở hữu của bà Đỗ Thị Kim N, việc bị cáo L sử dụng xe mô tô nêu trên làm phương tiện cướp giật tài sản của bà Phan Thị K vào ngày 30/10/2021 thì bà N không biết nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại tài sản cho bà N.

+ Đối với 01 cái áo tay ngắn bằng vải, màu đỏ cam; 01 quần dài bằng vải, màu đỏ cam; 01 áo khoát Jean tay dài, màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 khẩu trang y tế màu xanh là trang phục bị cáo L mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có yêu cầu nhận lại và hiện nay không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Lời phát biểu Luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt áp dụng, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thúy L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Đỗ Thúy L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/02/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ghi nhận bị hại bà Phan Thị K đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt là 1.000.000 (một triệu) đồng do bị cáo L bồi thường. Bà K không yêu cầu bị cáo L bồi thường gì khác.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Trả lại cho bà Đỗ Thị Kim N: xe mô tô Biển số 71B1-622.97, nhãn hiệu “HALIM”, màu đỏ nâu, có rổ màu đen phía trước, xe không có gương chiếu hậu.

Tịch thu tiêu hủy 01 cái áo tay ngắn bằng vải, màu đỏ cam; 01 quần dài bằng vải, màu đỏ cam; 01 áo khoát Jean tay dài, màu xanh; 01 nón bảo hiểm màu trắng; 01 khẩu trang y tế màu xanh.

(Các vật chứng nêu trên đã được giao nhận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Thúy L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS CA huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NguyễnThế Dũng